| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BÌNH ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 2098/QĐ-UBND | *Bình Định, ngày 12 tháng 06 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,0 ha) phục vụ thi công Hạng mục Đường kết nối Quốc lộ 19 với Quốc lộ 19B thuộc dự án Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn tại mỏ 147, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định**

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 1734/STNMT-CCBVMT ngày 01/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,0 ha) tại mỏ 147, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,0 ha) phục vụ thi công Hạng mục Đường kết nối Quốc lộ 19 với Quốc lộ 19B thuộc dự án Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn tại mỏ 147, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 440/BQL-KTTĐ ngày 06/6/2023 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 649/TTr-STNMT ngày 08/6/2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,0 ha) phục vụ thi công Hạng mục Đường kết nối Quốc lộ 19 với Quốc lộ 19B thuộc dự án Đập dâng Phú

Phong, huyện Tây Sơn tại mỏ 147, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn của Ban Quản lý dự án nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại tại mỏ 147 thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2**. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Thành;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 5,0 HA) PHỤC VỤ THI CÔNG HẠNG MỤC ĐƯỜNG KẾT NỐI QUỐC LỘ 19 VỚI QUỐC LỘ 19B THUỘC DỰ ÁN ĐẬP DÂNG PHÚ PHONG, HUYỆN TÂY SƠN TẠI MỎ 147, XÃ BÌNH THÀNH, HUYỆN TÂY SƠN CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)*

**1. Thông tin về Dự án**

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,0 ha) phục vụ thi công Hạng mục Đường kết nối Quốc lộ 19 với Quốc lộ 19B thuộc dự án Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn.

- Địa điểm thực hiện: tại mỏ 147 thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

- Địa chỉ liên hệ: số 200 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: (0256) 3814 701.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 5,0 ha.

- Thời hạn khai thác: 02 năm.

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Trữ lượng khai thác: 135.095 $m^3$ đất địa chất (tương ứng 156.845 $m^3$ đất nguyên khai với hệ số nở rời 1,29, hệ số thu hồi khoáng sản 0,9).

- Công suất khai thác:

+ Năm 1 (dự kiến 03 tháng năm 2023): 67.548 $m^3$ đất địa chất tương ứng 78.423 $m^3$ nguyên khai;

+ Năm 2 (dự kiến 10 tháng năm 2024): 67.547 $m^3$ đất địa chất tương ứng 78.422 $m^3$ nguyên khai.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

Diện tích dự án chia làm 02 khoảnh để khai thác trong 02 năm, khai thác và phục hồi môi trường theo trình tự cuốn chiếu từng khoảnh. Vị trí mở vỉa tại cao độ (từ cos +43m xuống cos +40 m) tại phía Bắc dự án gần điểm mốc số 2, cos kết thúc +31 m. Hướng khai thác từ Tây Bắc xuống Đông Nam và từ Tây sang Đông. Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 $m^3$) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể

hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường: 04 hố giảm tốc (phía Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nam và Đông Nam mỏ), hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa.

- Tuyến đường tạm trong mỏ (kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) dài khoảng 307 m.

- Khu vực phụ trợ phía Nam dự án (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 8.000 $m^2$: bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe và bãi lưu chứa đất tạm (diện tích khoảng 400 $m^2$).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng với diện tích 5,0 ha.

**2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,52 $m^3$/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 5.666$m^3$/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 5,0 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến công trình: Hạng mục Đường kết nối Quốc lộ 19 với Quốc lộ 19B thuộc dự án Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,…) phát sinh khoảng 11,4 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Đá phong hóa phát sinh từ quá trình khai thác với lượng khoảng 2.000 $m^3$: Được lưu chứa tại bãi thải thuộc trong ranh giới mỏ, đảm bảo về môi trường và sử dụng để san lấp hố giảm tốc, mương thoát nước khi kết thúc khai thác.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (mã chất thải: 16 01 06) khoảng 05 kg/năm; pin, ắc quy thải (mã chất thải: 16 01 12) khoảng 07 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (mã chất thải: 18 02 01) khoảng 15 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, nguy cơ sa bồi xuống khu vực hạ lưu, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,…

**4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án**

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ đến bơm hút đi xử lý theo quy định.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ có chiều dài khoảng 716 m (kích thước: đáy lớn 1,9 m x đáy nhỏ 1,5 m x cao 1,0 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường có chiều dài 307 m (kích thước: đáy lớn 1,2 m x đáy bé 0,4 m x sâu 0,5 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hố giảm tốc số 1 phía Tây Bắc mỏ (tọa độ: 1.542.168, 568.862), thể tích khoảng 270 $m^3$ (diện tích 90 $m^2$, sâu 3 m); hố giảm tốc số 2 phía Đông Bắc mỏ (tọa độ: 1.54.152. 569.034), thể tích khoảng 144 $m^3$ (diện tích 48 $m^2$, sâu 3 m); hố giảm tốc số 3 phía Tây Nam mỏ (tọa độ: 1.541.847, 568.868), thể tích khoảng 36 $m^3$ (diện tích 12 $m^2$, sâu 3 m); hố giảm tốc 4 phía Đông Nam (tọa độ: 1.541.845, 568.908), thể tích khoảng 300 $m^3$ (diện tích 100 $m^2$, sâu 3 m) được gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây Bắc mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ → hố giảm tốc số 01 phía Tây Bắc (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Tây Bắc mỏ → khe thoát nước hiện trạng phía Tây mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông Bắc mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ → hố giảm tốc số 02 phía Đông Bắc (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Đông Bắc mỏ → khe thoát nước hiện trạng phía Đông mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây Nam mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ → hố giảm tốc số 02 phía Tây Nam → hố giảm tốc số 4; nước mưa chảy tràn phía Đông Nam mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ → hố giảm tốc số 04 phía Đông Nam (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước

hiện trạng phía Đông Nam mỏ.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ khu vực mỏ đến công trình (tại các vị trí qua khu dân cư, các công trình xây dựng,…) và tăng cường cào mùa nắng.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở, không để rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

- Vệ sinh bánh xe khi ra khỏi khu vực mỏ.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

- Đá thải được tập kết tại bãi chứa tạm, sau khi kết thúc khai thác tận dụng san lấp các hố giảm tốc và hệ thống mương thu nước.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa khu vực lán trại tạm, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

| STT | Tên công trình | Đơn vị | Khối lượng | Kết quả đạt được | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lắp đặt biển báo | cái | 8 | Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác | Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc Dự án |
| 2 | San gạt lại khu vực dự án do quá trình khai thác tạo hầm, hố đào | $m^3$ | 4.500 | Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Nam thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây | Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc hằng năm |

| STT | Tên công trình | Đơn vị | Khối lượng | Kết quả đạt được | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| 3 | San lấp hệ thống mương thoát nước, hố giảm tốc, mương rửa bánh xe | $m^3$ | 2.095,6 | Trả lại hiện trạng ban đầu | Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hằng năm |
| 4 | Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động | $m^2$ | 40 | | |
| 5 | Tháo dỡ cống tròn | cái | 3 | | |
| 6 | Cải tạo đường đất phía Tây | $m^3$ | 739 | | |
| 7 | Vệ sinh tuyến đường | công | 130 | | |
| 8 | Trồng rừng phục hồi môi trường | ha | 5,0 | Phủ xanh khu vực khai thác | Sau khi kết thúc khai thác hằng năm |
| 9 | Đo vẽ bản đồ địa hình | ha | 5,0 | Giám sát độ sâu khai thác | Sau khi kết thúc khai thác hằng năm |

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **480.769.000 đồng** *(Bốn trăm tám mươi triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng).*

- Số lần ký quỹ: 02 lần, thực hiện thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 120.192.250 đồng; thời điểm kỹ quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, số tiền: 360.576.750 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bốc lớp đất tầng phủ đến đó.

- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến các hạ lưu.

- Bố trí khu vực điều tiết lưu lượng xe ra vào mỏ, không tập trung xe trên đường đất hiện trạng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án: Giám sát bụi lơ lửng (TSP) 01 điểm tại khu vực tiếp giáp đường bê tông hiện trạng phía Nam dự án (tọa độ: 1.541.543; 568.849) so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát 06 tháng/lần.